

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục tăng hơn 17 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,784.49 điểm. Số mã giảm nhiều hơn số mã tăng; 8/18 ngành tăng điểm, với ngành Bất động sản dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX, UPCOM và bán ròng trên sàn HNX. Nhóm cổ phiếu Vin vẫn đóng vai trò dẫn dắt nhịp hồi phục ngắn hạn của VN-Index trong khi thị trường chung giao dịch khá trầm lắng; rủi ro tập trung ngày càng tăng khi chỉ số tiến về vùng đỉnh cũ. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng giai đoạn này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 31/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+17.59** điểm, đóng cửa tại **1784.49** điểm. HNX-Index **-1.73** điểm, đóng cửa tại **248.77** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+11.44)**, **VHM (+6.07)**, **HDB (+1.55)**, **VPL (+1.28)**, **TCB (+0.85)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-1.26)**, **STB (-0.78)**, **BID (-0.75)**, **BVH (-0.40)**, **GVR (-0.34)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **18,644** tỷ đồng, tăng **4.63%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 22,379 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 27.61 điểm. Thị trường có **134** mã tăng, 56 mã tham chiếu, **185** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **714.28** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **STB (132.70 tỷ)**, **VPL (119.35 tỷ)**, **MWG (112.00 tỷ)**, **MBB (76.64 tỷ)**, **CTG (72.95 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-22.91** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.18%**. Các mã diễn biến tích cực:
HDB (+6.26%) [\(Link báo cáo\)](#)
VHM (+5.53%) [\(Link báo cáo\)](#)
DGC (+5.06%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.46%**. Các mã diễn biến tích cực:
VIC (+4.05%) [\(Link báo cáo\)](#)
CTD (+3.68%) [\(Link báo cáo\)](#)
VRE (+2.59%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.18%	-0.46%	1.00%	1.04%
1 tuần	0.80%	-1.01%	0.09%	0.37%
1 tháng	0.85%	-1.88%	4.87%	5.02%
3 tháng	0.65%	-5.09%	7.97%	9.19%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,784.49	248.77	120.97
% 1D	1.00%	-0.69%	0.18%
GTKL (tỷ VND)	18,644	975	573
%1D	4.63%	30.14%	37.46%
GDNN (tỷ VND)	714.28	-22.91	2.83

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	132.70	HDB	-72.06
VPL	119.35	LPB	-41.82
MWG	112.00	VPX	-22.41
MBB	76.64	VIX	-21.53
CTG	72.95	VCG	-19.67

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

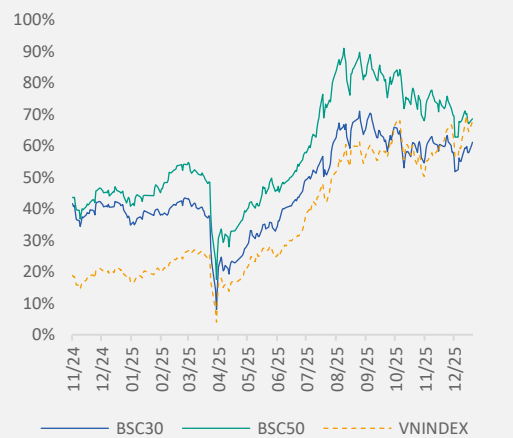
		%D	%W
SPX	6,896	-0.14%	0.26%
FTSE100	9,926	-0.14%	0.61%
Eurostoxx	5,793	0.72%	1.37%
Shanghai	3,969	0.09%	0.71%
Nikkei	50,339	-0.37%	-0.15%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	61.10	-0.38%
Giá vàng	4,313	-0.59%
Tỷ giá		
USD/VND	26,377	-0.01%
EUR/VND	31,654	-0.25%
JPY/VND	172	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	
LS LNH 1M	7.7%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

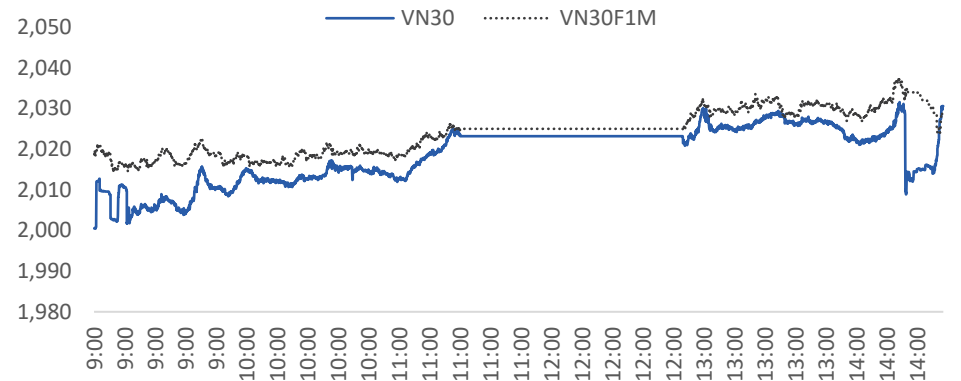
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
4111G1000	2029.00	0.74%	202,759	-24.8%	15/01/2026	15
4111G6000	2020.00	1.45%	39	-15.2%	18/06/2026	169
4111G1000	2029.00	0.74%	202,759	-24.8%	15/01/2026	15
4111G3000	2024.10	1.22%	79	38.60%	19/03/2026	78

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +20.93 điểm, đóng cửa tại 2030.63 điểm. Biên độ dao động 29.93 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VHM, HDB, VJC, TCB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đóng cửa trong sắc xanh tại ngày giao dịch cuối cùng của năm 2025. Thanh khoản thị trường nằm gần ngưỡng MA20. Chiến lược là long/short linh hoạt với phái sinh.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ 4111G3000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CSSB2507	3/04/2026	93	16,200	31.11%	21.00	470	56.7%	0.03	22.88	17.45	17.45
CHDB2506	24/02/2026	55	470,500	-1.48%	25.44	1,650	26.9%	1.98	29.26	29.70	29.70
CHDB2507	9/03/2026	68	85,200	1.17%	24.06	2,590	26.3%	2.57	30.05	29.70	29.70
CVHM2525	26/05/2026	146	27,600	6.61%	107.00	4,200	23.2%	3.70	132.20	124.00	124.00
CHDB2510	26/05/2026	146	18,100	4.00%	25.83	3,280	21.0%	3.27	30.89	29.70	29.70
CVHM2518	4/05/2026	124	32,500	2.74%	91.00	4,550	21.0%	4.37	127.40	124.00	124.00
CVHM2516	23/06/2026	174	26,700	4.52%	79.00	12,650	19.3%	11.74	129.60	124.00	124.00
CTPB2511	26/05/2026	146	2,400	19.71%	19.50	970	18.3%	0.74	20.47	17.10	17.10
CVHM2522	25/06/2026	176	95,700	17.04%	117.69	3,430	18.3%	2.06	145.13	124.00	124.00
CVHM2520	23/07/2026	204	10,800	17.18%	111.90	6,680	18.2%	4.19	145.30	124.00	124.00
CTCB2524	26/05/2026	146	2,100	20.00%	39.00	960	17.1%	0.55	41.88	34.90	34.90
CMBB2517	23/09/2026	266	15,400	9.62%	20.25	4,990	15.8%	4.18	27.74	25.30	25.30
CVHM2523	16/10/2026	289	65,100	38.65%	140.00	3,990	15.7%	1.37	171.92	124.00	124.00
CHDB2505	23/02/2026	54	162,200	-4.84%	21.42	2,220	15.6%	2.74	28.26	29.70	29.70
CVHM2519	25/05/2026	145	50,700	11.14%	108.20	4,230	15.6%	3.04	137.81	124.00	124.00
CVIC2514	25/06/2026	176	15,600	0.44%	74.44	19,180	13.5%	19.37	170.34	169.60	169.60
CHDB2508	8/09/2026	251	101,500	16.95%	26.99	3,350	13.2%	2.19	34.73	29.70	29.70
CVHM2512	20/05/2026	140	16,900	2.58%	58.00	17,300	12.7%	16.76	127.20	124.00	124.00
CVIC2513	25/05/2026	145	8,500	3.13%	73.50	20,280	12.7%	19.49	174.90	169.60	169.60
CVHM2511	13/04/2026	103	63,500	1.16%	58.00	16,860	12.3%	16.69	125.44	124.00	124.00

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *:**

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 31/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CSSB2507 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 56.67%. CSTB2515 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.62%.
 - CVHM2521, CDGC2501, CVRE2526, CFPT2503, CVPB2524 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514, CVHM2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	169.60	4.05%	6.81
VHM	124.00	5.53%	6.21
HDB	29.70	6.26%	3.50
VJC	209.00	1.75%	1.59
TCB	34.90	1.60%	1.56

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
STB	58.00	-3.33%	-2.48
FPT	95.80	-0.73%	-1.64
VNM	61.20	-0.97%	-0.81
HPG	26.40	-0.38%	-0.69
GAS	72.40	-3.34%	-0.48

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	169.60	4.05%	11.44	7.73
VHM	124.00	5.53%	6.07	4.11
HDB	29.70	6.26%	1.55	3.86
VPL	94.20	3.52%	1.28	1.79
TCB	34.90	1.60%	0.85	7.09

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	98.80	9.90%	1.15	0.20
NTP	65.90	3.94%	0.26	0.17
HHC	149.70	6.93%	0.10	0.02
DNP	21.60	5.37%	0.10	0.14
IPA	18.90	3.28%	0.08	0.21

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAT	10.70	7.00%	0.01	0.08
PNC	18.65	6.57%	0.00	0.00
TNT	8.66	6.52%	0.01	0.12
HDB	29.70	6.26%	2.06	66.95
BBC	69.00	6.15%	0.02	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTG	15.50	9.93%	0.06	0.00
KSV	98.80	9.90%	8.06	0.07
TV3	18.50	8.82%	0.06	0.01
TJC	14.00	8.53%	0.04	0.00
HMH	16.10	7.33%	0.07	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GAS	72.40	-3.34%	-1.26	2.41
STB	58.00	-3.33%	-0.78	1.89
BID	38.90	-1.27%	-0.75	7.02
BVH	56.80	-4.38%	-0.40	0.74
GVR	26.20	-1.50%	-0.34	4.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVI	93.00	-3.93%	-0.50	0.23
KSF	66.50	-1.34%	-0.47	0.90
CEO	21.10	-4.52%	-0.32	0.57
SHS	20.60	-1.44%	-0.16	0.90
HUT	15.80	-1.25%	-0.12	1.07

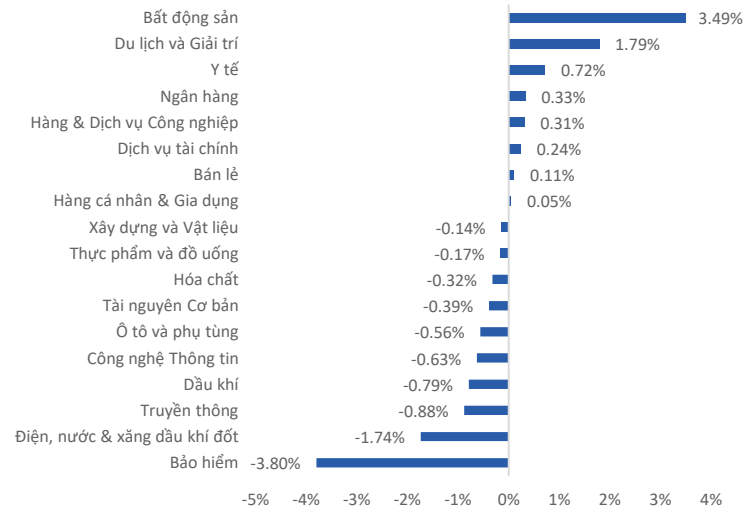
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PMG	6.89	-6.89%	0.00	0.00
NNC	66.30	-6.88%	-0.02	0.19
FUEIP100	12.45	-6.67%	0.00	0.00
CCI	27.20	-6.53%	-0.01	0.00
CII	20.90	-4.57%	-0.13	28.51

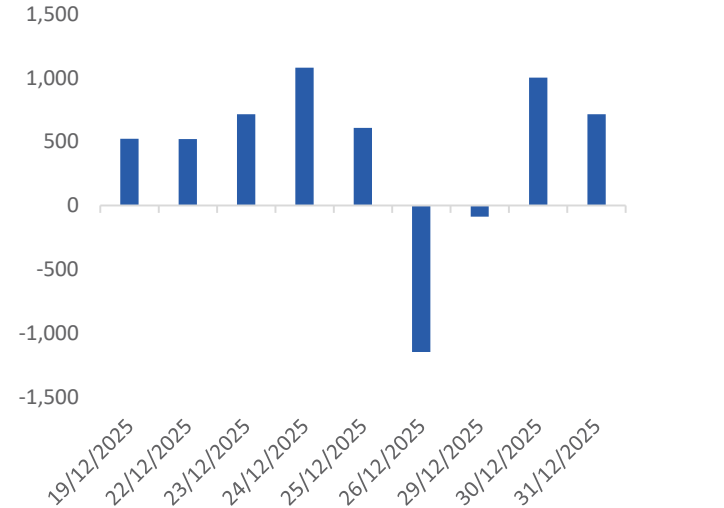
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VC6	20.00	-9.91%	-0.09	0.00
AME	7.30	-9.88%	-0.19	0.00
TET	33.30	-9.76%	-0.08	0.01
CTP	7.70	-9.41%	-0.04	0.31
SPC	7.80	-9.30%	-0.03	0.01

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	88.4	-0.1%	1.2	129,958	467.9	3,957	22.4	106,000	47.2%	Link
KBC	Bất động sản	35.4	2.8%	1.1	32,396	262.6	1,872	18.4	46,000	10.3%	Link
KDH	Bất động sản	31.5	0.0%	1.3	35,350	72.2	857	36.7	39,900	28.3%	Link
PDR	Bất động sản	18.8	-3.1%	1.6	19,358	217.8	211	92.0	28,200	8.3%	Link
VHM	Bất động sản	124.0	5.5%	1.1	482,621	840.8	6,133	19.2	119,600	8.8%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	95.8	-0.7%	0.6	164,388	297.2	5,280	18.3	118,700	39.1%	Link
BSR	Dầu khí	16.1	-0.6%	0.0	81,118	87.0	413		23,200	1.0%	Link
PVS	Dầu khí	34.3	-0.9%	1.5	17,695	120.5	2,841	12.2	42,800	14.1%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.4	-1.3%	1.3	24,515	130.4	1,343	16.9		34.0%	
SSI	Dịch vụ tài chính	30.3	-1.1%	1.3	76,228	421.1	1,858	16.5		33.0%	
VCI	Dịch vụ tài chính	35.3	-0.3%	1.3	30,094	289.1	1,578	22.4		17.2%	
DCM	Hóa chất	32.7	0.0%	1.2	17,311	46.5	3,578	9.1	47,300	3.7%	Link
DGC	Hóa chất	68.5	5.1%	1.2	24,762	766.9	8,296	7.9	109,300	6.4%	Link
ACB	Ngân hàng	24.0	-0.4%	0.9	123,793	147.1	3,385	7.1	28,400	28.6%	Link
BID	Ngân hàng	38.9	-1.3%	0.9	276,642	63.9	3,781	10.4	49,500	17.1%	Link
CTG	Ngân hàng	35.8	0.3%	1.1	276,892	358.3	4,292	8.3	53,500	25.7%	Link
HDB	Ngân hàng	29.7	6.3%	1.2	139,897	1907.7	3,019	9.3	34,400	23.5%	Link
MBB	Ngân hàng	25.3	1.2%	1.1	201,375	600.2	3,017	8.3	29,300	21.3%	Link
MSB	Ngân hàng	12.4	-0.8%	1.1	39,000	111.6	1,729	7.2	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	58.0	-3.3%	1.1	113,113	1130.0	6,519	9.2		15.0%	
TCB	Ngân hàng	34.9	1.6%	1.0	243,412	333.6	3,111	11.0	41,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.1	-0.3%	1.1	47,575	81.4	2,358	7.3	-	24.9%	Link
VCB	Ngân hàng	57.5	0.4%	0.9	478,780	199.4	4,202	13.6	73,200	21.2%	Link
VIB	Ngân hàng	17.8	0.3%	0.9	60,251	117.7	2,225	8.0	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	28.7	-0.2%	1.1	227,704	648.1	2,603	11.0	35,650	24.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.4	-0.4%	1.2	203,400	576.4	1,876	14.1	33,170	19.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	15.8	-0.9%	1.2	9,874	30.7	1,178	13.5	19,800	4.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.1	-1.5%	1.2	10,565	90.5	4,150	6.6	28,800	2.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	77.0	0.1%	1.2	111,191	506.6	2,196	35.0	98,300	22.7%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.2	-1.0%	0.7	129,159	117.5	4,160	14.9	64,500	50.7%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	39.0	-1.52%	1.3	8,758	35.1	2,410	16.4	21.4%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	149.5	1.22%	0.9	25,154	209.1	3,620	40.8	32.5%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	56.8	-4.38%	1.2	44,094	36.0	3,578	16.6	26.8%	11.3%	
DIG	Bất động sản	16.8	-1.76%	1.4	13,579	161.5	521	32.7	3.2%	4.4%	
DXG	Bất động sản	17.1	-2.29%	1.5	19,467	136.2	398	43.9	25.7%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	22.7	0.00%	1.3	4,534	52.4	2,445	9.3	2.8%	25.2%	
HDG	Bất động sản	27.3	-1.09%	1.5	10,211	31.7	938	29.4	20.6%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	36.4	-1.36%	1.4	14,004	311.5	4,849	7.6	11.4%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	30.5	-0.49%	1.3	14,844	33.7	2,203	13.9	44.2%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	52.6	1.54%	1.1	12,541	14.3	5,474	9.5	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	29.2	0.69%	1.0	5,211	16.4	1,763	16.4	2.5%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	18.3	0.00%	1.4	16,692	90.5	801	22.9	12.1%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	169.6	4.05%	1.0	1,256,083	1584.3	1,147	142.1	3.1%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	33.7	2.59%	1.0	74,532	330.9	2,144	15.3	13.6%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	35.6	-0.14%	1.2	7,548	9.5	1,848	19.3	38.3%	13.2%	Link
PLX	Dầu khí	35.3	-1.26%	0.9	45,424	55.3	2,090	17.1	14.7%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	28.4	-0.35%	1.1	15,815	243.0	1,602	17.8	10.5%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	33.0	-1.93%	1.3	11,642	59.1	1,262	26.6	24.9%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.0	-0.38%	1.7	17,192	36.5	1,661	15.7	3.0%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	72.4	-3.34%	1.0	180,730	139.2	5,014	14.9	2.0%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.7	-0.78%	1.2	39,268	163.8	679	18.9	4.9%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.0	-0.33%	0.7	33,149	21.7	4,776	12.8	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	209.0	1.75%	1.0	121,517	288.9	2,897	70.9	7.5%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	43.6	-1.36%	1.4	39,886	204.4	2,313	19.1	8.7%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	61.0	-1.29%	1.2	26,357	19.6	3,496	17.7	41.5%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.7	-0.68%	1.1	9,980	62.0	6,185	9.6	7.3%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.4	-2.13%	1.1	8,835	36.4	2,090	9.0	9.7%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	98.8	0.71%	0.0	11,947	24.2	3,139	31.3	4.6%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	97.0	0.21%	1.1	33,023	44.8	6,912	14.0	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	26.6	-0.37%	1.0	2,991	25.9	2,535	10.5	48.5%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.2	-0.55%	1.4	2,356	2.3	2,859	6.4	16.0%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	22.3	-0.67%	1.1	15,230	32.1	1,212	18.5	3.6%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	26.2	-1.50%	1.2	106,400	27.0	1,569	17.0	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	21.3	-1.62%	1.3	40,328	438.5	1,635	13.2	2.9%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	41.8	-0.24%	0.4	125,167	844.4	3,469	12.1	0.9%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.3	0.00%	0.0	24,534	17.7	2,337	6.1	1.6%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.0	-0.42%	0.9	31,957	11.7	1,460	8.2	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	14.9	-1.00%	1.3	6,714	40.2	571	26.3	5.1%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	25.7	-2.84%	1.3	7,042	38.7	2,829	9.4	4.3%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	37.5	0.54%	0.6	11,325	108.9	1,715	21.7	3.7%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.0	-1.21%	0.6	63,615	40.6	3,373	14.7	58.6%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	56.1	-0.88%	1.0	12,704	38.6	6,944	8.2	19.3%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	175.0	-0.17%	0.4	14,350	10.1	14,639	12.0	85.2%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	76.0	3.68%	1.2	7,807	51.4	6,245	11.7	48.7%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	85.3	0.00%	1.1	9,757	25.4	5,128	16.6	5.0%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	37.5	-1.83%	1.3	3,851	27.1	3,037	12.6	5.5%	15.0%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	13.2	0.38%	1.2	7,168	28.9	1,104	11.9	10.4%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.6	-0.66%	1.1	9,336	326.1	1,377	16.5	12.5%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.6	-1.09%	1.1	14,772	126.5	6,148	3.7	4.4%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	41.9	1.33%	1.4	18,517	41.8	3,090	13.4	2.5%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
3	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
4	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
5	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
7	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
15	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
16	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
17	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>